KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 12

Phẩm 7: DẠY BẢO TRAO TRUYỀN (2)

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán nhân duyên thường, hay vô thường; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên thường, hay vô thường; chẳng nên quán nhân duyên vui, hay khổ; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên vui, hay khổ; chẳng nên quán nhân duyên ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán nhân duyên tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán nhân duyên không, hay chẳng không; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên không, hay chẳng không; chẳng nên quán nhân duyên có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán nhân duyên có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán nhân duyên tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán nhân duyên xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán nhân duyên hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán nhân duyên hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán nhân duyên sinh, hay diệt; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên sinh, hay diệt; chẳng nên quán nhân duyên thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán nhân duyên có tội, hay không tội; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên có tội, hay không tội; chẳng nên quán nhân duyên có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán nhân duyên thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán nhân duyên tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán nhân duyên thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán nhân duyên ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán nhân duyên có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra thường, hay vô thường; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra vui, hay khổ; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra không, hay chẳng không; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra sinh, hay diệt; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra có tội, hay không tội; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán pháp từ duyên sinh ra có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán vô minh thường, hay vô thường; chẳng nên quán hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não thường, hay vô thường; chẳng nên quán vô minh vui, hay khổ; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não vui, hay khổ; chẳng nên quán vô minh ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán vô minh tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán vô minh không, hay chẳng không; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não không, hay chẳng không; chẳng nên quán vô minh có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán vô minh có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán vô minh tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán vô minh xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán vô minh hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán vô minh hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán vô minh sinh, hay diệt; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não sinh, hay diệt; chẳng nên quán vô minh thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán vô minh có tội, hay không tội; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não có tội, hay không tội; chẳng nên quán vô minh có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán vô minh thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán vô minh tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán vô minh thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán vô minh ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán hành... cho

đến lão tử, sầu bi khổ ưu não ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán vô minh có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán hành... cho đến lão tử, sầu bi khổ ưu não có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa thường, hay vô thường; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thường, hay vô thường; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa vui, hay khổ; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa vui, hay khổ; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa không, hay chẳng không; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa không, hay chẳng không; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa sinh, hay diệt; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa sinh, hay diệt; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa có tội, hay không tội; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có tội, hay không tội; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán Bố thí ba-la-mật-đa có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp không bên trong thường, hay vô thường; chẳng nên quán pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không

thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đổi khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh thường, hay vô thường; chẳng nên quán không bên trong vui, hay khổ; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh vui, hay khổ; chẳng nên quán không bên trong ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán không bên trong tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán không bên trong không, hay chẳng không; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh không, hay chẳng không; chẳng nên quán không bên trong có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán không bên trong có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán không bên trong tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán không bên trong xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán không bên trong hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán không bên trong hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán không bên trong hoặc ẩn tàng, hoặc hiển bày; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh hoặc ẩn tàng, hoặc hiển bày; chẳng nên quán không bên trong thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán không bên trong có tội, hay không tội; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh có tội, hay không tội; chẳng nên quán không bên trong có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán không bên trong thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán không bên trong tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán không bên trong thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán không bên trong ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán không bên trong có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán không bên ngoài cho đến không không tánh tự tánh có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán chân như thường, hay vô thường; chẳng nên quán các pháp giới, pháp tánh, không hư vọng, chẳng đổi khác, bình đẳng, ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cõi hư không, cõi chẳng thể nghĩ bàn thường, hay vô thường; chẳng nên quán chân như vui, hay khổ; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn vui, hay khổ; chẳng nên quán chân như ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể

nghĩ bàn ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán chân như tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán chân như không, hay chẳng không; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn không, hay chẳng không; chẳng nên quán chân như có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán chân như có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán chân như tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán chân như xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán chân như hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán chân như hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán chân như hoặc ẩn tàng, hoặc hiển bày; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hoặc ẩn tàng, hoặc hiển bày; chẳng nên quán chân như thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán chân như có tội, hay không tội; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có tội, hay không tội; chẳng nên quán chân như có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán chân như thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán chân như tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán chân như thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán chân như ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán chân như có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán pháp giới cho đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Niệm trụ thường, hay vô thường; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo thường, hay vô thường; chẳng nên quán bốn Niệm trụ vui, hay khổ; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo vui, hay khổ; chẳng nên quán bốn Niệm trụ ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán bốn Niệm trụ tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán bốn Niệm trụ không, hay chẳng không; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo không, hay chẳng không; chẳng nên quán bốn Niệm trụ có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán bốn Niệm trụ có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán bốn Niệm trụ tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán bốn Niệm trụ xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán bốn Chánh

đoạn cho đến tám chi Thánh đạo xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán bốn Niệm trụ hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán bốn Niệm trụ hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán bốn Niệm trụ sinh, hay diệt; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo sinh, hay diệt; chẳng nên quán bốn Niệm trụ thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán bốn Niệm trụ có tội, hay không tội; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo có tội, hay không tội; chẳng nên quán bốn Niệm trụ có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán bốn Niệm trụ thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán bốn Niệm trụ tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán bốn Niệm trụ thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán bốn Niệm trụ ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán bốn Niệm trụ có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán bốn Chánh đoạn cho đến tám chi Thánh đạo có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán Thánh đế khổ thường, hay vô thường; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo thường, hay vô thường; chẳng nên quán Thánh đế khổ vui, hay khổ; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo vui, hay khổ; chẳng nên quán Thánh đế khổ ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán Thánh đế khổ tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán Thánh đế khổ không, hay chẳng không; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo không, hay chẳng không; chẳng nên quán Thánh đế khổ có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán Thánh đế khổ có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán Thánh đế khổ tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán Thánh đế khổ xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán Thánh đế khổ hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán Thánh đế khổ hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán Thánh đế khổ sinh, hay diệt; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo sinh, hay diệt; chẳng nên quán Thánh đế khổ thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán Thánh đế khổ có tội, hay không tội; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo có tội, hay không tội; chẳng nên quán Thánh đế khổ có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán Thánh đế khổ thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán Thánh đế khổ tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán Thánh đế khổ thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên

quán Thánh đế khổ ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán Thánh đế khổ có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán Thánh đế tập, diệt, đạo có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bốn Tĩnh lự thường, hay vô thường; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thường, hay vô thường; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự vui, hay khổ; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc vui, hay khổ; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự không, hay chẳng không; chẳng nên bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc không, hay chẳng không; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự sinh, hay diệt; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc sinh, hay diệt; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự có tội, hay không tội; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có tội, hay không tội; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán bốn Tĩnh lự có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán tám Giải thoát thường, hay vô thường; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thường, hay vô thường; chẳng nên quán tám Giải thoát vui, hay khổ; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ vui, hay khổ; chẳng nên quán tám Giải thoát ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán tám Giải thoát tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán tám Giải thoát không, hay chẳng không; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ không, hay chẳng không; chẳng nên quán tám Giải thoát có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười

Biến xứ có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán tám Giải thoát có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán tám Giải thoát tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán tám Giải thoát xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán tám Giải thoát hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán tám Giải thoát hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán tám Giải thoát sinh, hay diệt; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ sinh, hay diệt; chẳng nên quán tám Giải thoát thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán tám Giải thoát có tội, hay không tội; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có tội, hay không tội; chẳng nên quán tám Giải thoát có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán tám Giải thoát thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán tám Giải thoát tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán tám Giải thoát thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán tám Giải thoát ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán tám Giải thoát có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không thường, hay vô thường; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thường, hay vô thường; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không vui, hay khổ; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện vui, hay khổ; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không không, hay chẳng không; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện không, hay chẳng không; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán pháp môn giải

thoát Không sinh, hay diệt; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện sinh, hay diệt; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không có tội, hay không tội; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có tội, hay không tội; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Không có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni thường, hay vô thường; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa thường, hay vô thường; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni vui, hay khổ; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa vui, hay khổ; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni không, hay chẳng không; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa không, hay chẳng không; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên pháp môn Tam-ma-địa hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni sinh, hay diệt; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa sinh, hay diệt; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni có tội, hay không tội; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa có tội, hay không tội; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán pháp môn Đà-la-ni ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán pháp

môn Đà-la-ni có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán pháp môn Tam-ma-địa có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán bậc Cực hỷ thường, hay vô thường; chẳng nên quán các bậc Ly cấu, bậc Phát quang, bậc Diệm tuệ, bậc Cực nan thắng, bậc Hiện tiền, bậc Viễn hành, bậc Bất động, bậc Thiện tuệ, bậc Pháp vân thường, hay vô thường; chẳng nên quán bậc Cực hỷ vui, hay khổ; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân vui, hay khổ; chẳng nên quán bậc Cực hỷ ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán bậc Cực hỷ tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán bậc Cực hỷ không, hay chẳng không; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân không, hay chẳng không; chẳng nên quán bậc Cực hỷ có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán bậc Cực hỷ có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán bậc Cực hỷ tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán bậc Cực hỷ xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán bậc Cực hỷ hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán bậc Cực hỷ hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán bậc Cực hỷ sinh, hay diệt; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân sinh, hay diệt; chẳng nên quán bậc Cực hỷ thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán bậc Cực hỷ có tội, hay không tội; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân có tội, hay không tội; chẳng nên quán bậc Cực hỷ có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán bậc Cực hỷ thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán bậc Cực hỷ tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán bậc Cực hỷ thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán bậc Cực hỷ ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán bậc Cực hỷ có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán bậc Ly cấu cho đến bậc Pháp vân có thể được, hay chẳng có thể được.

Lại nữa Thiện Hiện, các Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, chẳng nên quán năm loại mắt thường, hay vô thường; chẳng nên quán sáu phép thần thông thường, hay vô thường; chẳng nên quán năm loại mắt vui, hay khổ; chẳng nên quán sáu phép thần thông vui, hay khổ; chẳng nên quán năm loại mắt ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán sáu phép thần thông ngã, hay vô ngã; chẳng nên quán năm loại mắt tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán sáu phép thần thông tịnh, hay chẳng tịnh; chẳng nên quán năm loại mắt không, hay chẳng không; chẳng nên quán sáu phép thần thông không, hay chẳng không; chẳng nên quán năm loại mắt có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán sáu phép thần thông có tướng, hay không tướng; chẳng nên quán năm loại mắt có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên quán sáu phép thần thông có nguyện, hay không nguyện; chẳng nên

quán năm loại mắt tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán sáu phép thần thông tịch tĩnh, hay chẳng tịch tĩnh; chẳng nên quán năm loại mắt xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán sáu phép thần thông xa lìa, hay chẳng xa lìa; chẳng nên quán năm loại mắt hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán sáu phép thần thông hữu vi, hay vô vi; chẳng nên quán năm loại mắt hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán sáu phép thần thông hữu lậu, hay vô lậu; chẳng nên quán năm loại mắt sinh, hay diệt; chẳng nên quán sáu phép thần thông sinh, hay diệt; chẳng nên quán năm loại mắt thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán sáu phép thần thông thiện, hay chẳng phải thiện; chẳng nên quán năm loại mắt có tội, hay không tội; chẳng nên quán sáu phép thần thông có tội, hay không tội; chẳng nên quán năm loại mắt có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán sáu phép thần thông có phiền não, hay không phiền não; chẳng nên quán năm loại mắt thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán sáu phép thần thông thế gian, hay xuất thế gian; chẳng nên quán năm loại mắt tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán sáu phép thần thông tạp nhiễm, hay thanh tịnh; chẳng nên quán năm loại mắt thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán sáu phép thần thông thuộc sinh tử, hay thuộc Niết-bàn; chẳng nên quán năm loại mắt ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán sáu phép thần thông ở trong, ở ngoài, hay ở hai bên; chẳng nên quán năm loại mắt có thể được, hay chẳng có thể được; chẳng nên quán sáu phép thần thông có thể được, hay chẳng có thể được.

❑